Name: ……..

Class: S2…

Assignment date: …./…./….

Submission date: …./…./….

Vocabulary & Grammar: …….

Listening: …….

Mini test: …….

StarLink

VOCABULARY REVISION

A. EXTRA VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**crocodile** (n)	cá sấu	3	**aeroplane** (n)	máy bay
2	**monster** (n)	quái vật			

**Note:* *n = noun: danh từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi.*

B. HOMEWORK

I. Con khoanh tròn đáp án đúng.

0.



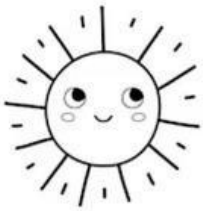
A. city
B. rainy

1.



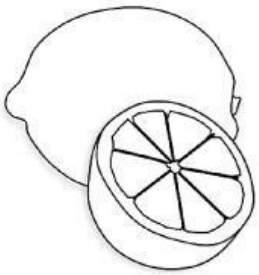
A. summer
B. winter

2.



A. snowy
B. sunny

3.



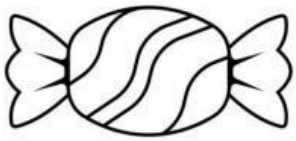
A. salty
B. sour

4.



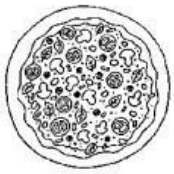
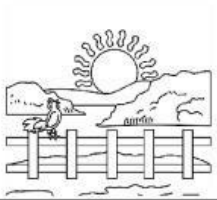
A. pizza
B. menu

5.



A. bitter
B. sweet

II. Con viết "YES" nếu nội dung phần gạch chân phù hợp với hình. Nếu sai, viết "NO".

	00. I love eating pizza. → YES		2. It's sunny in the morning. → _____
	0. This is my preschool. → NO		3. The chilli is sweet. → _____

LIVEWORKSHEETS

	1. The coffee is <u>bitter</u>. → _____		4. Helen ate <u>menu</u> for lunch. → _____

III. Con hãy điền từ còn thiếu vào câu và nối câu đúng với hình.

summer	all day	~~preschool~~	bitter	windy

0. 

1. 

2. 

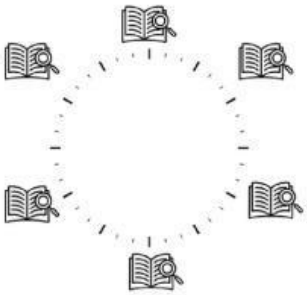
A. They go to <u>preschool</u>.

B. It's hot in _____.

C. This food is _____.

D. We study _____.

E. The weather is _____.

3. 

4. 

IV. Chọn đáp án đúng cho từng câu.

0. (**Is**) / **Are** she practicing English now?

1. I **am watching / am watch** TV with my sister.

2. They **aren't playing / arent playing** soccer in the park.

3. We **have / are having** dinner with our friends at the moment.

4. Are you **reading / reads** "Doraemon"?

5. She **isn't working / isn't work** at school.

LIVEWORKSHEETS

Các con nghe bài ở link này: https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-2-test-1-part-3

Part 3

– 5 questions –

Listen and tick (✔) the box. There is one example.

What's the crocodile doing?



A ☐ B ☐ C ☑

1 What's the baby doing?



A ☐ B ☐ C ☐

2 What's Nick doing?



A ☐ B ☐ C ☐

LIVEWORKSHEETS

3 What's Mum doing?



A ☐ B ☐ C ☐

4 What's Tom doing?



A ☐ B ☐ C ☐

5 Who's playing the piano?



A ☐ B ☐ C ☐

LIVEWORKSHEETS